

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K5 NĂM 2015

Tháng 8 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	3 Lào	1.167	1.196	29	12.650	366.850	
102	4 Lào	964			12.650	0	
103	4 Lào	1.336	1370	34	12.650	430.100	
104	8	490	512	22	12.650	278.300	
105	Phòng trực	439	457		12.650		
106	8	566	598	32	12.650	404.800	
107	P SHC	207			12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	832	860	28	12.650	354.200	
110	8	1.066	1088	22	12.650	278.300	
111	8	616	621	5	12.650	63.250	
112	8	650	666	16	12.650	202.400	
113	8	584	600	16	12.650	202.400	
114	8	519	543	24	12.650	303.600	
201	8	952	975	23	12.650	290.950	
202	8	1122	1152	30	12.650	379.500	
203	8	826	842	16	12.650	202.400	
204	8	1.118	1142	24	12.650	303.600	
205	6	1.110	1122	12	12.650	151.800	
206	8	997	1021	24	12.650	303.600	
207	7	858	878	20	12.650	253.000	
208	8	978	998	20	12.650	253.000	
209	8	1.096	1118	22	12.650	278.300	
210	8	611	628	17	12.650	215.050	
211	6	825	846	21	12.650	265.650	
212	8	837	863	26	12.650	328.900	
213	8	956	966	10	12.650	126.500	
214	8	745	769	24	12.650	303.600	
301	8	712	726	14	12.650	177.100	
302	8	641	657	16	12.650	202.400	
303	5	840	856	16	12.650	202.400	
304	8	803	813	10	12.650	126.500	
305	8	767	784	17	12.650	215.050	
306	8	893	923	30	12.650	379.500	
307	P SHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	752	768	16	12.650	202.400	
310	8	713	729	16	12.650	202.400	

311	8		824	834	10	12.650	126.500
312	8		670	695	25	12.650	316.250
313	8		538	551	13	12.650	164.450
314	8		677	690	13	12.650	164.450
401	8		687	706	19	12.650	240.350
402	8		848	879	31	12.650	392.150
403	6		682	699	17	12.650	215.050
404	2	Lào	855			12.650	0
405	8		616	632	16	12.650	202.400
406	8		837	844	7	12.650	88.550
407	8		605	620	15	12.650	189.750
408	8		637	654	17	12.650	215.050
409	8		489	503	14	12.650	177.100
410	8		542	550	8	12.650	101.200
411	8		545	550	5	12.650	63.250
412	8		530	544	14	12.650	177.100
413	8		986	1002	16	12.650	202.400
414	8		795	815	20	12.650	253.000
501	8		371	383	12	12.650	151.800
502	8		430	444	14	12.650	177.100
503	0		635	640	5	12.650	63.250
504	8		432	449	17	12.650	215.050
505	8		298	307	9	12.650	113.850
506	8		307	311	4	12.650	50.600
507	8		606	606	0	12.650	0
508	8		368	378	10	12.650	126.500
509	8		475	482	7	12.650	88.550
510	8		266			12.650	0
511	8		552	571	19	12.650	240.350
512	8		522	537	15	12.650	189.750
513	8		324	332	8	12.650	101.200
514	8		251	257	6	12.650	75.900
Cộng	483				1.038		13.130.700

(Bảng chữ: Mười ba triệu một trăm ba mươi nghìn bảy trăm đồng)

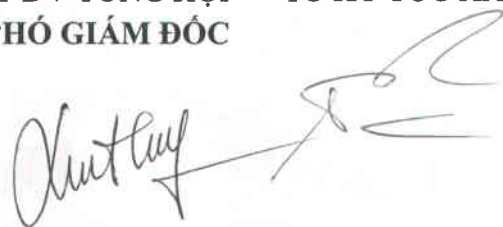
PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà